

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026.

Kính gửi: Sở Tài chính

Thực hiện Công văn số 796/STC.-NSNN ngày 15/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026.

UBND xã Gia Kiêm báo cáo tình hình thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) đến cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý của UBND xã:

UBND xã đã thực hiện triển khai các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, Chương trình hành động và các văn bản cấp trên đều được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Xác định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị tại địa phương.

Tổ chức triển khai đến tất cả các cơ quan, đơn vị các Nghị định, Thông tư của Trung ương, các quyết định chỉ đạo của UBND tỉnh đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như: Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 4/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; Công văn số 16583/BTC-C ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính về việc xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 tỉnh Đồng Nai (nay là TP. Đồng Nai).

Các đơn vị đã chủ động thực hiện cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cho từng lĩnh vực, nhiệm vụ của mình; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành công tác thực hành

tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị; thực hiện báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các đơn vị trên địa bàn được thực hiện đầy đủ theo quy định.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của địa phương:

Thực hiện Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 tỉnh Đồng Nai (nay là TP. Đồng Nai). UBND xã đã xây dựng Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 về việc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí xã Gia Kiệm năm 2026. Theo đó UBND xã tập trung chỉ đạo các đơn vị ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 cho cơ quan, đơn vị mình và tổ chức triển khai thực hiện. Đến nay có 26/26 cơ quan, đơn vị dự toán cấp I đã ban hành Chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2026, là cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Tại các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý UBND xã chỉ đạo, quán triệt đầy đủ đến lãnh đạo các cơ quan, đơn vị yêu cầu thực hiện nghiêm việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chỉ đạo rà soát lại toàn bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, cũng như việc đề xuất bố trí kinh phí, thực hiện phân bổ vốn, giao dự toán chi ngân sách nhà nước; tham mưu đề xuất nhiệm vụ trong quản lý và sử dụng tài sản công...nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế, đảm bảo chấp hành kỷ luật kỷ cương trong quản lý, sử dụng tài chính - ngân sách, kiểm soát chặt chẽ thu - chi ngân sách và quản lý chặt chẽ tài sản công, thực hiện đúng quy định pháp luật, đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch đã tạo ra sự thống nhất trong hệ thống thủ tục hành chính, bước đầu nâng cao nhận thức, phát huy tinh thần trách nhiệm và đổi mới phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức khi giải quyết các nhu cầu của người dân.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- UBND xã đã ký ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 24/04/2026 về việc kiểm tra nội bộ về công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn xã năm 2026. Văn bản đã xác định rõ mục đích nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu các bộ phận; đưa nội dung kiểm tra việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập, cải cách hành chính và đặc biệt là công tác kiểm tra định mức chi tiêu làm nội dung trọng tâm. Kế hoạch cũng giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tự xây dựng kế hoạch nội bộ và lồng ghép báo cáo định kỳ về UBND xã trước ngày 30 của kỳ báo cáo. Định kỳ hàng tháng các đơn vị đã lồng ghép vào báo cáo KT-XH của xã.

- Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 10/03/2026 về kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Gia Kiệm năm học 2025 – 2026 và Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 về việc thành lập Đoàn kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Gia Kiệm năm học 2025-2026. Căn cứ trên các quy định phân quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã đã lập đề cương kiểm tra trực tiếp tình hình quản lý tài chính và cơ sở vật chất tại các trường học trực thuộc. Trong đó, chỉ đạo kiểm tra rõ ràng các nội dung: *Việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước được giao, công tác quản lý các khoản thu - chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường, và quy trình công khai minh bạch tài chính trường học*. Hiện nay Đoàn Kiểm tra đang trong giai đoạn tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra.

- Ban hành Văn bản số 697/UBND-PKT ngày 05/05/2026 của UBND xã về việc triển khai Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước. Văn bản đã gửi trực tiếp đến Ủy ban MTTQ xã, Văn phòng Đảng ủy và toàn bộ các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp để làm căn cứ áp dụng đúng.

Bên cạnh đó UBND xã thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác rà soát nhằm ngăn chặn có hiệu quả việc lãng phí tại các cơ quan, đơn vị. Phát huy vai trò, trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động trong việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng; kiểm tra, giám sát quá trình chấp hành Quy chế dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị. Thường xuyên nhắc nhở, hướng dẫn việc thực hiện công tác thanh, quyết toán tại các cơ quan, đơn vị.

Chủ động kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng tài sản công sau sáp nhập, qua kiểm tra các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản đầy đủ theo biên bản bàn giao.

II. Tình hình, kết quả THTK, CLP 6 tháng đầu năm 2026.

1. Kết quả THTK, CLP trong các lĩnh vực:

1.1 THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ về biên chế và kinh phí. Để triển khai thực hiện dự toán năm 2026, phòng Kinh tế xã đã có Công văn số 1139/UBND-PKT ngày 31/12/2025 về việc triển khai thực hiện Dự toán năm 2026 và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026. Qua đó, ngay từ đầu năm, các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo chế độ tự chủ của từng đơn vị trực thuộc (có 26/26 đơn vị ban hành quy chế: nhà nước 06 đơn vị, Đảng ủy: 02 đơn vị, Trường học 18 đơn vị). Các cơ quan, đơn vị thuộc xã đã công khai Quy chế chi tiêu nội bộ bằng các hình thức: ban hành Quyết định công khai; ban hành Công văn niêm yết tại cơ quan, đơn vị và thông qua biên bản tại cuộc họp.

Hầu hết các văn bản QCCTNB của đơn vị đã cụ thể hóa được các căn cứ pháp lý tự chủ ngân sách hành chính (Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định

số 117/2013/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV); phân định rõ định mức chi văn phòng phẩm, công tác phí, thông tin liên lạc, tiếp khách, sử dụng xe công và quy trình xử lý vi phạm khi sử dụng vượt mức khoán. Các quy chế đều khẳng định được xây dựng thông qua quy trình thảo luận dân chủ, công khai trong Hội nghị cán bộ, công chức hằng năm.

1.2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

a) THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán:

Việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2026 được thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và được công khai, trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn tại kỳ họp. UBND xã tập trung tổ chức thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2026, phân bổ dự toán và công bố công khai dự toán NS xã rộng rãi để toàn thể cán bộ, công nhân viên và người dân trên địa bàn được biết: Ban hành Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn xã trình HĐND xã năm 2026; Ban hành Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn xã được HĐND xã thông qua năm 2026; Ban hành Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 07/05/2026 về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026 (lần 1) được HĐND xã thông qua.

Cũng theo đó UBND xã triển khai đến các đơn vị chấp hành dự toán theo tiêu chuẩn, định mức được giao, đến nay 26/26 đơn vị nhận dự toán đã thực hiện phân bổ; 26/26 đơn vị thực hiện công bố công khai dự toán năm 2026 tuân thủ đúng luật NSNN.

UBND xã đã thực hiện niêm yết công khai công bố dự toán ngân sách xã, được đăng tải trên trang thông tin của xã tại các địa chỉ: <https://giakiem.dongnai.gov.vn>. Các đơn vị trực thuộc đã niêm yết bằng hình thức ban hành Quyết định công khai hoặc Văn bản công bố.

Tổng kinh phí tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Bộ Tài chính: 6.202 triệu đồng.

b) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, từ khâu lập dự toán đến chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách Nhà nước; quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước đúng mục tiêu, chỉ tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ.

Phòng Kinh tế đã thực hiện thẩm định báo cáo quyết toán năm 2025 đối với toàn bộ các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trên cơ sở đối chiếu số liệu hệ thống TABMIS, xác nhận của Kho bạc Nhà nước và sổ sách kế toán của đơn vị.

Đã ban hành hệ thống 25 Thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2025.

Hội đồng nhân dân xã Gia Kiệm đã tiến hành xem xét và ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 24/03/2026 về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước, thu - chi ngân sách địa phương năm 2025 xã Gia Kiệm. Tuy nhiên ngày 26/3/2026, Sở Tài chính ban hành Văn bản số 3319/STC – NSNN về việc thông báo điều chỉnh tăng thu NSDP năm 2025 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2026 đối với các xã, phường. Ghi nhận việc điều chỉnh số liệu quyết toán do Sở Tài chính điều chỉnh, đơn vị đã kịp thời báo cáo và trình HĐND ban hành Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/04/2026 để điều chỉnh Nghị quyết phê chuẩn số 01/NQ-HĐND trước đó nhằm đảm bảo tính chính xác.

Để thực hiện đảm bảo công khai minh bạch số liệu quyết toán ngân sách xã, UBND xã đã ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 17/04/2026 về việc công bố công khai quyết toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương năm 2025 của xã Gia Kiệm đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn; Ban hành Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 về công bố công khai quyết toán thu NSNN, thu – chi ngân sách xã năm 2025 xã Gia Kiệm sau điều chỉnh; Ban hành Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 24/04/2026 về việc công bố công khai tình hình chấp hành dự toán ngân sách xã 3 tháng đầu năm 2026. Theo đó 100% các đơn vị thực hiện công khai Quyết toán năm 2025 và chấp hành dự toán 3 tháng đầu năm 2026 theo quy định.

UBND xã đã thực hiện niêm yết công khai công bố dự toán ngân sách xã, được đăng tải trên trang thông tin của xã tại các địa chỉ: <https://giakiem.dongnai.gov.vn>. Các đơn vị trực thuộc đã niêm yết bằng hình thức ban hành Quyết định công khai hoặc Văn bản công bố.

Các đơn vị chủ động tiết kiệm các khoản như: văn phòng phẩm, cước phí thông tin liên lạc, điện, xăng, dầu, nước sạch, công tác phí, tổ chức hội nghị, hội thảo, chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm, mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc; kết quả tiết kiệm chi quản lý hành chính 6 tháng đầu năm 2026 là: 841 triệu đồng, đạt 45% so với Kế hoạch đề ra.

1.3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của các cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Về mua sắm, trang bị tài sản công:

Việc mua sắm, sửa chữa trang thiết bị làm việc của cơ quan, đơn vị đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc đảm bảo tiêu chuẩn, định mức.

- Về thực hiện mua sắm tập trung: không phát sinh.

- Về sắp xếp, xử lý, mua sắm và sử dụng phương tiện đi lại:

Việc sắp xếp bố trí phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện đi lại công khai, minh bạch. Căn cứ Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trong đó quy định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã tối đa

02 xe/xã. Theo đó UBND xã đã thực hiện đúng định mức sử dụng xe ô tô 02 xe/xã (01 ô tô tiếp nhận, 01 ô tô mua sắm mới).

1.4. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- Trong đầu tư xây dựng:

Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026 đối với các dự án được giao làm chủ đầu tư bao gồm dự án xã hội hóa giao thông, thường xuyên nắm bắt tiến độ lập thủ tục đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công ngay từ đầu năm theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh. Đến nay UBND xã cắt giảm được 17 dự án chưa thật sự cần thiết.

- Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc:

Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đúng mục đích, phát huy hiệu quả.

1.5. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

- Trong quản lý sử dụng đất:

Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và điểm b Khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định không tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2026 - 2030) của các thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Do đó, UBND xã tiếp tục sử dụng quy hoạch cấp huyện Thống Nhất cũ đã được UBND tỉnh phê duyệt Quyết định phê duyệt số 5370/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai nay là TP. Đồng Nai (báo cáo thuyết minh và bản đồ quy hoạch đồng bộ và Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

Thực hiện tốt công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập thủ tục giao đất, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định.

- Trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước; khai thác, sử dụng khoáng sản và tài nguyên khác:

Các loại tài nguyên khoáng sản chủ yếu là vật liệu san lấp, đất đá xây dựng và nguồn nước ngầm được quản lý đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, khai thác hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật. 6 tháng đầu năm UBND xã xử lý gần 70 vụ vi phạm sử dụng đất đai, tổng thu phạt nộp về NSNN đạt trên 1.038 triệu đồng.

1.6. THTK, CLP trong công tác tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

a) Công tác cải cách thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo điều hành công tác cải cách hành chính, phân công tổ chức thực hiện với nhiều kế hoạch được ban hành và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, trong đó xác định những nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc triển khai công tác cải cách hành chính năm 2026. Triển khai kịp thời các nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân tỉnh, Sở Nội vụ, Đảng ủy xã về công tác Cải cách hành chính.

UBND xã ban hành các Kế hoạch thực hiện trên địa bàn xã Gia Kiệm, cụ thể: Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 27/01/2026 về cải cách hành chính năm 2026; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 13/01/2026 về kiểm soát thủ tục hành chính xã Gia Kiệm năm 2026; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 27/01/2026 về kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn xã Gia Kiệm; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 03/2/2026 về thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026 trên địa bàn xã Gia Kiệm; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 09/02/2026 về thông tin, tuyên truyền kiểm soát thủ tục hành chính; cơ chế một cửa, một cửa liên thông xã Gia Kiệm năm 2026; Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 09/01/2026 về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ xã Gia Kiệm năm 2026; Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026-2030.

- Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: Tổng số hồ sơ giải quyết từ 01/7/2025 đến ngày 15/5/2026 là 14.487 hồ sơ (tiếp nhận mới 14.487 hồ sơ). Trong đó, số hồ sơ đã giải quyết là 13.989 (đúng hạn 13.932 /14.487 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99.6%).

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định thủ tục hành chính: Từ ngày 01/7/2025 đến nay, tổng số lượt phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trên Tổng đài dịch vụ công 1022 là 21 lượt; kết quả đã giải quyết và trả lời phản ánh 21/21 lượt, đạt tỷ lệ 100%.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025, theo Bộ Chỉ số 766, UBND xã Gia Kiệm được xếp hạng một trong mười xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đứng đầu về chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Từ ngày 01/01/2026 đến nay, Bộ Chỉ số 766 đang hoàn thiện hệ thống đánh giá mới, vì vậy việc đánh giá, xếp hạng các xã, phường đang tạm ngưng.

b) *Công tác tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước:*

Thực hiện đồng bộ và nghiêm túc các chủ trương, giải pháp để tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; thực hiện chặt chẽ công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác để qua đó

thực hiện công tác sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Tình hình quản lý và sử dụng biên chế công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp được tổ chức thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Ngày 31/12/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND về tạm giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, UBND cấp xã; số lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế công lập, số người làm việc trong các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là TP. Đồng Nai) năm 2026; trong đó xã Gia Kiệm được giao tổng số biên chế là 944 người (gồm 73 công chức, 763 viên chức, 31 hợp đồng CMNV và 77 cán bộ không chuyên trách).

Sau sắp xếp, UBND xã đang thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ quan chuyên môn và Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND xã, qua đó sắp xếp, bố trí công chức, viên chức đảm bảo theo vị trí việc làm và chức danh công tác nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc. Thực hiện quản lý chặt chẽ thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức thông qua kiểm tra công vụ, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị. Tổ chức quán triệt các văn bản có liên quan đến cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức tạo sự chuyển biến về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân.

1.7 THPT, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: không phát sinh.

1.8 THPT, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân: không phát sinh

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí: không phát sinh.

3. Phân tích, đánh giá:

3.1 Kết quả đạt được:

Được sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát của Đảng uỷ, sự giám sát của Hội đồng nhân dân xã, công tác THPT, CLP trong thời gian qua đã được cụ thể hóa bằng những việc làm cụ thể, qua đó cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngày càng có ý thức và trách nhiệm trong công tác THPT, CLP; công tác tuyên truyền THPT, CLP ngày càng nâng cao và hiệu quả; các đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; công tác quản lý, điều hành tài chính ngân sách chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc đúng mục đích, chế độ theo quy định; đề ra nhiều

biện pháp quản lý chặt chẽ trong chi tiêu, quản lý, sử dụng tài sản công, thời gian lao động,... mang lại hiệu quả trong công tác THTK, CLP.

Công tác cải cách hành chính không ngừng được nâng cao nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, phục vụ cho nhu cầu, quyền lợi của người dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.2 Tồn tại và hạn chế:

Một số đơn vị xây dựng Kế hoạch, Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn mang tính hình thức, chưa bao quát hết được vai trò, nhiệm vụ của cơ quan đơn vị mình vì vậy khó khăn trong việc thực hiện.

Chất lượng báo cáo các đơn vị còn chưa cao, chưa đánh giá hết được những chức năng, lĩnh vực ngành phụ trách.

3.3 Những bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục hạn chế:

Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống lãng phí một cách cụ thể, thiết thực hiệu quả; phát huy dân chủ rộng rãi trong Đảng, trong nhân dân để động viên được sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân trong đấu tranh phòng chống lãng phí, góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước xác định nhiệm vụ cải cách hành chính, thực hiện công khai minh bạch là khâu đột phá, giải pháp quan trọng thực hiện nhiệm vụ phòng, ngừa tham nhũng, lãng phí.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng cuối năm 2026:

1. Phương hướng, nhiệm vụ:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, công chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ. Đồng thời, kết hợp với thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đặc biệt là tư tưởng đạo đức của Người trong thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, thường xuyên tuyên truyền, quán triệt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cấp trên và của cơ quan, đơn vị đến tất cả các cán bộ, công chức.

2. Các giải pháp:

Triển khai, phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần được phổ biến, nhân rộng bằng các phương tiện thông tin đại chúng, qua báo đài nhằm tăng cường hiểu biết và nâng cao nhận thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của từng cán bộ công chức.

Đổi mới quy trình, phương thức và thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ để thu hút được

người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trong cơ chế, chính sách phòng ngừa nhằm phát hiện tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số toàn diện để nâng cao hiệu quả công việc, giảm chi phí hoạt động; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm, công khai kết quả xử lý.

Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân thuộc UBND xã xây dựng chương trình hành động THPT, CLP phải cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chỉ tiêu đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm của đơn vị.

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về THPT, CLP. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công. Siết chặt kỷ luật tài chính, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện của UBND xã Gia Kiệm về báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026./. 

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu VT, KT (Thùy).



CHỦ TỊCH




La Nguyễn Minh Hiền



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Kết quả của thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	25	26	26	104	100	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	0	0	0			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0	3	2		67	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã phát hiện và xử lý	Vụ	0	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Triệu đồng	0	0	0			
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		4.222	6.202	6.202			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng	0	0	0			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Bộ Tài chính	Triệu đồng	4.222	6.202	6.202	147	100	
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Triệu đồng	4.222	6.202	6.202			
	+ <i>Khối Tỉnh</i>	Triệu đồng						
	+ <i>Khối Xã</i>	Triệu đồng	4.222	6.202	6.202			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các nội dung khác (Chưa phân bổ dự toán khối Huyện)	Triệu đồng	0	0	0			
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		1.337	1.875	841	63	45	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	Triệu đồng	537	1.875	841	157	45	
	<i>Tiết kiệm Văn phòng phẩm</i>	Triệu đồng	110	357	164	149	46	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	Triệu đồng	49	148	56	114	38	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	Triệu đồng	76	196	94	124	48	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Triệu đồng	0	20	12		60	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	Triệu đồng	4	13	5	125	38	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	Triệu đồng	37	199	104	281	52	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	Triệu đồng	55	185	84	153	45	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	Triệu đồng	28	136	53	189	39	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc.</i>	Triệu đồng	76	225	83	109	37	
	<i>Tiết kiệm chi quản lý hành chính khác</i>	Triệu đồng	102	396	186	182	47	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		0	0	0			
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng						



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Kết quả của thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		0	0	0			
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Các nội dung khác (TK nguồn 30%)</i>	Triệu đồng	0	0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	800	0	0			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng	0	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí sự nghiệp an ninh, quốc phòng	Triệu đồng	0	0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng	0	0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	0	0	0			
2.8	Tiết kiệm kinh phí sự nghiệp y tế, dân số	Triệu đồng	0	0	0			
2.9	Tiết kiệm kinh phí văn hóa, thông tin	Triệu đồng	0	0	0			
2.10	Tiết kiệm kinh phí sự nghiệp thể dục - thể thao	Triệu đồng	0	0	0			
2.11	Tiết kiệm kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường	Triệu đồng	0	0	0			
2.12	Tiết kiệm kinh phí sự nghiệp kinh tế	Triệu đồng	0	0	0			
2.13	Tiết kiệm kinh phí HCNN, Đảng, Đoàn thể	Triệu đồng	0	0	0			
2.14	Tiết kiệm chi đảm bảo xã hội	Triệu đồng	0	0	0			
2.15	Tiết kiệm chi sự nghiệp khác	Triệu đồng	0	0	0			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	0	0	0			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	0	0	0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	0	0	0			
4	Các nội dung khác		0	0	0			
4.1	Tiết kiệm biên chế + CCVC nghỉ hộ sản	Triệu đồng	0	0	0			
4.2	Bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước	Triệu đồng	0	0	0			
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	1	2	2			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	Chiếc	1	0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	0	0	0			
	- Điều chuyển		0	0	0			
	- Thanh lý		0	0	0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	0	0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng	0	0	0			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Kết quả của thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản	0	0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án		0	17			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	0	0	0			
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	0	0	0			
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	Triệu đồng	0	0	0			
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	0	0	0			
	- Thực hiện thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng	Triệu đồng	0	0	0			
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	0	0	0			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án	0	0	0			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	Dự án	0	0	0			
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng	0	0	0			
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	0	0	0			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	0	0	0			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng	0	0	0			
4	Các nội dung khác							

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Kết quả của thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
V	Trong quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2	0	0	0			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang đã xử lý, thu hồi	m2	0	0	0			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	0	0	1.038			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	0	0	0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			
4	Các nội dung khác		0	0	0			
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Ngàn Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm chi phí khác	Triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		0	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	Triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	0	0	0			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	0	0	0			



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Kết quả của thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	Dự án	0	0	0			
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	Triệu đồng	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	Triệu đồng	0	0	0			
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	Chiếc	0	0	0			
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	Chiếc	0	0	0			
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng, thoái vốn)</i>	Chiếc	0	0	0			
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	Triệu đồng	0	0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	Chiếc	0	0	0			
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	Triệu đồng	0	0	0			
5	Nợ phải thu khó đòi							
	<i>Số đầu kỳ</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số cuối kỳ</i>	Triệu đồng	0	0	0			
6	Vốn chủ sở hữu							
	<i>Số đầu năm</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số cuối kỳ</i>	Triệu đồng	0	0	0			
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ	0	0	0			
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	0					
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc	0					
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Đơn vị	0	1	1			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	Đơn vị	0	0	0			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	0	0	0			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	0	0	0			



**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C+D+E)	100	90
A.	Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
1	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	6	6
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3	3
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	3	3
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	
II	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	4
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	2	
3	Không ban hành	0	



STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
B	Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	40	30
I	Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	5	
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	15	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	20
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	
	Đã thực hiện khoán	5	
	Chưa thực hiện khoán	0	
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	30	30
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	15	15
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	15
2	Từ 50%- 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	12	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	9	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	6	



STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	15	15
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	15	15
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
D	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp xã	10	10
1	Trên 80% ngân sách cấp xã có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	10	10
2	Từ 50%-80% ngân sách cấp xã có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	8	
3	Từ 20% đến dưới 50% ngân sách cấp xã có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	6	
4	Dưới 20% ngân sách cấp xã có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	4	
E.	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	3
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	5
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	3



CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2026 ĐÃ THỰC HIỆN

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2026			GHI CHÚ
		của cơ quan chủ quản (Sở, ban, ngành; UBND cấp xã)	Đơn vị trực thuộc (đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3,... của Sở, ngành hoặc đơn vị dự toán của UBND cấp xã)		
			Số đơn vị trực thuộc	Số đơn vị đã ban hành chương trình tiết kiệm, chống lãng phí	
	Khối UBND các phường, xã				
1	Xã Gia Kiệm	Quyết định 423/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 ban hành chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí xã Gia Kiệm năm 2026	26	26	

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 796/STC-NSNN

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

V/v báo cáo kết quả thực hành tiết
kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu
năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, Ngành cấp thành phố;
- Các Doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý;
- UBND các xã, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai) về việc Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026,

Nhằm đảm bảo thời gian tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026 (số liệu từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/5/2026) theo các Phụ lục: 01, 02, 03, 04 đính kèm, đồng thời đề nghị nhập dữ liệu tại các Phụ lục: 02, 03, 05 theo đường link sau: https://docs.google.com/spreadsheets/d/1d9DKZR2sc93_wZ4_DIQ-TXmtEa0DUZvadBxBv2KXh20/edit?usp=sharing.

Thời gian gửi báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND thành phố: **trước ngày 05/6/2026**. Trường hợp quá thời gian nêu trên Quý cơ quan chưa thực hiện chế độ báo cáo, Sở Tài chính sẽ lập danh sách báo cáo UBND thành phố theo quy định.

Sở Tài chính kính chuyển đến Quý cơ quan biết, khẩn trương quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (b/c);
 - Như trên;
 - Phòng QL Giá - Công sản (p/h báo cáo);
 - Phòng Kinh tế ngành (p/h báo cáo);
 - Phòng HCSN (p/h báo cáo);
 - Phòng Đầu tư và Đấu thầu (p/h báo cáo);
 - Văn phòng Sở (p/h báo cáo);
 - Ban Giám đốc;
 - Lưu VT, NSNN.
- (TuyenNguyen)

